

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KONTUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **626**/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày **21** tháng **6** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Kon Tum (Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học, nhà phục hồi chức năng, nhà ở và các hạng mục phụ trợ; mua sắm trang thiết bị)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật: Đấu thầu năm 2013, Đầu tư công năm 2014, Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ số Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Kon Tum (Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học, nhà phục hồi chức năng, nhà ở và các hạng mục phụ trợ; mua sắm trang thiết bị);

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét Tờ trình số 49/TTr-SLĐTB&XH ngày 07/6/2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 160 /BC-KHĐT ngày 14/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Kon Tum (*Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học, nhà phục hồi chức năng, nhà ở và các hạng mục phụ trợ; mua sắm trang thiết bị*).

2. Chủ đầu tư: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

3. Tổ chức lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Chí Tâm.

4. Chủ nhiệm lập dự án: Ông Lê Anh Trãi - Giám đốc Công ty.

5. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội tỉnh Kon Tum. Tạo môi trường sinh hoạt, học tập phù hợp góp phần chăm sóc, hỗ trợ ngày càng tốt hơn các đối tượng yếu thế.

6. Nội dung quy mô đầu tư:

- Phá dỡ nhà hiệu bộ, nhà học, nhà phục hồi chức năng, nhà ở và một số hạng mục phụ trợ đã hư hỏng xuống cấp không sử dụng được.

- Xây mới khu nhà hiệu bộ 02 tầng, diện tích sàn 534m²; nhà học 04 phòng diện tích 272m²; nhà phục hồi chức năng diện tích 344,5m²; nhà ở diện tích 600m²

- Sửa chữa nhà ăn, nhà bếp diện tích 460m².

- Hạng mục phụ trợ: Tường rào L = 435m, cổng ngõ L = 15m; nhà tang lễ, tháp hương 51,5m²; sân nội bộ 900m²; lối đi nội bộ 1.000m²; khu vui chơi thể thao 1.020m²; cây xanh 1.050m²; giá bồn nước 5m³, bể nước ngầm 30m³; nhà vệ sinh 35m²; nhà bảo vệ 14,3m²; Hệ thống phòng cháy chữa cháy, chống sét và cấp thoát nước.

- Mua sắm bổ sung trang thiết bị (*đồ dùng cho đối tượng: Giường chiếu, mền, màn... một số thiết bị y tế, chăm sóc sức khỏe và các đồ chơi cho đối tượng yếu thế, có Phụ lục 1 kèm theo*).

7. Về giải pháp kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và tổng mức: Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 385/SXD-CCGD ngày 16/4/2018 và số 624/SXD-CCGD ngày 06/6/2018.

8. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng; cấp III; Dự án nhóm C.

9. Tổng mức đầu tư:

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	13.576.812.000
2	Chi phí thiết bị	999.265.000
3	Chi phí quản lý dự án	454.774.000
4	Chi phí tư vấn xây dựng	1.253.147.000
5	Chi phí khác	773.928.000
6	Chi phí dự phòng	942.074.000
	Tổng cộng	18.000.000.000

10. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2018.

11. Địa điểm xây dựng: Phường Duy Tân, thành phố Kon Tum.

12. Hình thức đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp và cải tạo.

13. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 6.977m².

14. Số bước thiết kế: Hai bước (*thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công*). Trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công, chủ đầu tư và phối hợp Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung làm rõ một số nội dung như sau:

- Việc sử dụng vật liệu thu hồi sau tháo dỡ các hạng mục trên (*các khoảng chi phí nếu có*).

- Tính toán giảm diện tích sân, đường nội bộ (*tăng diện tích trồng cây xanh*) để đầu tư bổ sung đoạn đường bê tông nội bộ từ Công chính Trung tâm bảo trợ trở ra phía ngoài (*nguồn vốn từ nguồn vốn dự án, tiết kiệm được và nguồn thu hồi từ vật liệu sau tháo dỡ...*), và tổng mức đầu tư sau bổ sung không làm vượt tổng mức đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

15. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc ban quản lý dự án xây dựng khu vực.

16. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2018 (*theo quy định*).

17. Phương thức tổ chức thực hiện: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Kon Tum (*Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học, nhà phục hồi chức năng, nhà ở và các hạng mục phụ trợ; mua sắm trang thiết bị*) như Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (*Chủ đầu tư*):

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình phê duyệt Báo cáo nghiên

cứu khả thi, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tính hiệu quả đầu tư của Dự án.

- Triển khai các bước theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, về đấu thầu và các nội dung đã phê duyệt tại Điều 1, Điều 2, Quyết định này.

2. Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét triển khai các nội dung được quy định tại điểm 14, điều 1, Quyết định trên.

Điều 4. Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *sk*

- Như Điều 4;
- Đ/c CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



sk

Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC I - DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ MUA SẴM

Dự án: Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Kon Tum (Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học, nhà phục hồi chức năng, nhà ở và các hạng mục phụ trợ; mua sắm trang thiết bị)

(Kèm theo Quyết định số **626** /QĐ-UBND ngày **21** tháng **6** năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

TT	Thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
I	Thiết bị đồ dùng, văn phòng, sinh hoạt, đồ chơi		
1	Máy vi tính	Bộ	5
2	Máy in	Cái	5
3	Bàn, ghế làm việc.	Bộ	5
4	Tủ đựng hồ sơ, tài liệu làm việc	Cái	2
5	Giường ngủ 1,2m (bằng gỗ)	Cái	80
6	Tủ đựng quần áo cá nhân(bằng sắt)	Cái	80
7	Tủ lạnh lớn bảo quản thực phẩm	Cái	2
8	Bếp ga	Cái	6
9	Nồi nấu cơm ga loại lớn (50 người ăn)	Cái	6
10	Máy giặt công suất lớn	Cái	2
11	Chiếu	Cái	150
12	Mền	Cái	150
13	Màn	Cái	150
14	Bảng dạy học	Cái	5
15	Bàn, ghế học sinh	Bộ	35
16	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	8
17	Bập bênh 4 chỗ	Cái	1
18	Đu quay mâm ray	Cái	1
19	Cầu trượt liên hoàn	Cái	1
20	Nhà banh	Cái	1
II	Thiết bị y tế, chăm sóc sức khỏe		
1	Ghế tập phục hồi chức năng tay, chân, toàn thân	Cái	3
2	Máy điện xung AUKEWEL	Cái	1
3	Xe đạp tập tay chân	Cái	2
4	Đèn hồng ngoại chân cao	Cái	2
5	Tạ tập các loại từ 0,5kg	Cái	5
6	Tạ tập các loại từ 1kg	Cái	5
7	Tạ tập các loại từ 2kg	Cái	5
8	Giường tập bệnh sắt sơn+nệm(0,6x0,6x2)m	Cái	2
9	Banh tập ĐK 65cm	Cái	5
10	Banh tập ĐK 75cm	Cái	5
11	Banh tập ĐK 85cm	Cái	5
12	Ghế ngồi trẻ khuyết tật tam giác	Cái	3
13	Ghế ngồi trẻ khuyết tật tam giác ngã nằm 135o	Cái	3
14	Giường xiên quay tập đứng trẻ em	Cái	1

15	Bóng cao su gai tập tay	Cái	10
16	Ghế tập cơ đùi người khuyết tật vận động inox	Cái	1
17	Ròng rọc khung kéo tay gắn tường(chưa có tạ)	Cái	1
18	Tay quay tập tay(Khung quay khớp vai)	Cái	1
19	Máy điện châm(Máy châm cứu 6 giắc)	Cái	1
20	Bàn lăn chân, lăn tay	Cái	10
21	Bàn cấp thuốc inox có hộc+thoại (0,6x1,16)m	Cái	2
22	Xe đẩy thuốc 2 tầng inox	Cái	2
23	Máy đo huyết áp Omron 8712	Cái	2
24	Máy đo huyết áp 7130	Cái	2
25	Cân có thước đo chiều cao TZ-120	Cái	2
26	Tủ thuốc inox có ngăn độc A-B	Cái	2
27	Bộ tiểu phẫu 8 món	Cái	1
28	Nhiệt kế điện tử Omron	Cái	5
29	Hộp chữ nhật inox ghép(23x11x5)cm	Cái	5
30	Hộp chữ nhật inox ghép trung(19x9x4)cm	Cái	3
31	Nồi hấp dụng cụ (điện) Inox 18 lít	Cái	2
32	Khay hạt đậu sâu trung 400ml	Cái	4
33	Cây treo dịch truyền, Inox	Cây	2

PHỤ LỤC II - KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Kon Tum (Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học, nhà phục hồi chức năng, nhà ở và các hạng mục phụ trợ; mua sắm trang thiết bị)

(Kèm theo Quyết định số 626 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu tư vấn quản lý dự án	454.774.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II, năm 2018	Trọn gói	450 ngày
2	Gói thầu tư vấn lập hồ sơ thiết kế BVTC-DT	448.306.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II, năm 2018	Trọn gói	30 ngày
3	Gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT	66.934.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II, năm 2018	Trọn gói	15 ngày
4	Gói thầu tư vấn thẩm định giá thiết bị	6.995.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II, năm 2018	Trọn gói	15 ngày
5	Gói thầu tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây dựng	57.894.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III, năm 2018	Trọn gói	30 ngày
6	Gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng	447.416.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III, năm 2018	Trọn gói	330 ngày
7	Gói thầu xây dựng công trình	14.052.000.000	(*)	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý III, năm 2018	Trọn gói	330 ngày
8	Gói thầu bảo hiểm công trình	13.577.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III, năm 2018	Trọn gói	330 ngày
9	Gói thầu tư vấn thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu	12.774.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III, năm 2018	Trọn gói	20 ngày
10	Gói thầu mua sắm thiết bị	999.265.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III, năm 2019	Trọn gói	75 ngày
11	Gói thầu kiểm toán công trình	199.980.000	(*)	Chỉ định thầu rút gọn	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý III, năm 2019	Trọn gói	75 ngày
	Tổng cộng	16.759.915.000						

Ghi chú: (*) Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2018.